THUẾ TỈNH LÂM ĐỒNG **THUẾ CƠ SỞ 13** **TỈNH LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 6110/TCS13-NVDTPC V/v tuyên truyền phổ biến chính sách ưu đãi về thuế đối với doanh nghiệp hoạt động lĩnh vực công nghiệp hỗ trợ.	*Cư Jút, ngày 06 tháng 10 năm 2026*

Kính gửi: Các doanh nghiệp, tổ chức trên địa bàn Thuế cơ sở 13 tỉnh Lâm Đồng quản lý.

Thực hiện mục tiêu về phát triển công nghiệp hỗ trợ, Chính phủ đã có nhiều cơ chế đặc thù, ưu đãi vượt trội về tín dụng, đất đai và đặc biệt là chính sách thuế nhằm tạo động lực mạnh mẽ cho các thành phần kinh tế tham gia đầu tư. Bên cạnh đó, để tạo điều kiện cho các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực công nghiệp hỗ trợ, UBND tỉnh Lâm Đồng đã ban hành Quyết định số 4640/QĐ-UBND ngày 23/9/2026 phê duyệt Chương trình phát triển công nghiệp hỗ trợ giai đoạn 2026-2035 trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng.

Nhằm hỗ trợ các doanh nghiệp, tổ chức (gọi là NNT) hoạt động trong lĩnh vực công nghiệp hỗ trợ kịp thời tiếp cận, nắm bắt đầy đủ và kịp thời các quyền lợi được hưởng về chính sách thuế, Thuế cơ sở 13 tỉnh Lâm Đồng tuyên truyền, phổ biến các quy định về chính sách ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN), tiền thuê đất đối với lĩnh vực công nghiệp hỗ trợ, cụ thể như sau:

1. Quy định của Chính phủ về sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển

Công nghiệp hỗ trợ là các ngành công nghiệp sản xuất, gia công nguyên liệu, phụ liệu, vật liệu, linh kiện và phụ tùng để cung cấp cho sản xuất sản phẩm hoàn chỉnh.

Sản phẩm công nghiệp hỗ trợ được Chính phủ ưu tiên phát triển gồm các ngành nghề như: Dệt may, da giày, điện tử, sản xuất, lắp ráp ô tô, cơ khí chế tạo, các sản phẩm công nghiệp hỗ trợ cho công nghiệp công nghệ cao.

Danh mục sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển được Chính phủ quy định chi tiết tại Phụ lục I kèm theo Nghị định số 205/2025/NĐ-CP ngày 14/7/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 111/2015/NĐ-CP ngày 03/11/2015 của Chính phủ về phát triển công nghiệp hỗ trợ.

2. Chính sách ưu đãi thuế TNDN đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa đăng ký kinh doanh lần đầu

Để khuyến khích kinh tế tư nhân phát triển, Quốc hội đã ban hành Nghị quyết số 198/2025/QH15 ngày 17/5/2025 về một số cơ chế đặc thù, chính sách

đặc biệt phát triển kinh tế tư nhân; đã được Chính phủ quy định chi tiết tại Nghị định số 20/2026/NĐ-CP ngày 15/01/2026, cụ thể:

Doanh nghiệp nhỏ và vừa đăng ký kinh doanh lần đầu được **miễn thuế TNDN trong 03 năm** kể từ khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu. Thời gian miễn thuế được tính liên tục từ năm đầu tiên được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu. Trường hợp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp được cấp trước thời điểm Nghị quyết số 198/2025/QH15 có hiệu lực thi hành (ngày 17/5/2025) mà còn thời gian áp dụng ưu đãi thì doanh nghiệp được hưởng ưu đãi theo quy định tại khoản này cho thời gian còn lại.

Tuy nhiên, mức ưu đãi trên không áp dụng đối với các trường hợp:

(i) Doanh nghiệp thành lập mới do sáp nhập, hợp nhất, chia, tách, chuyển đổi chủ sở hữu, chuyển đổi loại hình doanh nghiệp;

(ii) Doanh nghiệp có người đại diện theo pháp luật, thành viên hợp danh hoặc người có số vốn góp cao nhất đã tham gia hoạt động kinh doanh với vai trò là người đại diện theo pháp luật, thành viên hợp danh hoặc người có số vốn góp cao nhất trong các doanh nghiệp đang hoạt động hoặc đã giải thể nhưng chưa được 12 tháng tính từ thời điểm giải thể doanh nghiệp cũ đến thời điểm thành lập doanh nghiệp mới;

(iii) Thu nhập quy định tại khoản 3 Điều 18 Luật Thuế TNDN số 67/2025/QH15.

(Quy định chi tiết tại khoản 3 Điều 7 Nghị định số 20/2026/NĐ-CP ngày 15/01/2026 của Chính phủ).

1. Chính sách ưu đãi thuế TNDN đối với doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực công nghiệp hỗ trợ

1.1. Tiêu chí để được áp dụng ưu đãi thuế TNDN

Doanh nghiệp sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ thuộc Danh mục sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển do Chính phủ quy định (gọi là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực công nghiệp hỗ trợ), thuộc đối tượng áp dụng ưu đãi thuế TNDN nếu đáp ứng một trong các tiêu chí sau đây:

- Doanh nghiệp sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ cho công nghệ cao theo quy định của Luật Công nghệ cao.

- Doanh nghiệp sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ cho sản xuất sản phẩm các ngành dệt - may, da - giầy, điện tử - tin học (bao gồm cả thiết kế, sản xuất bán dẫn), sản xuất lắp ráp ô tô, cơ khí chế tạo đến ngày Luật Thuế TNDN số 67/2025/QH15 có hiệu lực thi hành (ngày 01/10/2025) mà trong nước chưa sản xuất được hoặc đã sản xuất được nhưng phải đáp ứng tiêu chuẩn kỹ thuật của Liên minh Châu Âu hoặc tương đương (nếu có) theo hướng dẫn của Bộ trưởng Bộ Công Thương.

(Quy định cụ thể tại khoản 2 Điều 18 Nghị định số 320/2025/NĐ-CP ngày 15/12/2025 của Chính phủ)

1.2. Mức ưu đãi thuế TNDN

Doanh nghiệp có **dự án đầu tư mới** hoạt động sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ thuộc danh mục sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển do Chính phủ quy định được áp dụng các ưu đãi thuế TNDN như sau:

- Được áp dụng thuế suất 10% trong 15 năm đối với Doanh nghiệp có dự án đầu tư mới hoạt động công nghiệp hỗ trợ (quy định tại điểm a khoản 1 Điều 19 Nghị định số 320/2025/NĐ-CP ngày 15/12/2025).

- Được miễn thuế 04 năm và giảm 50% số thuế phải nộp trong 09 năm tiếp theo (Quy định tại điểm a khoản 1 Điều 20 Nghị định số 320/2025/NĐ-CP ngày 15/12/2025).

Thời gian miễn thuế, giảm thuế được tính từ năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế từ dự án đầu tư, trường hợp không có thu nhập chịu thuế trong 03 năm đầu, kể từ năm đầu tiên có doanh thu từ dự án thì thời gian miễn thuế, giảm thuế được tính từ năm thứ 04.

- Điều kiện để Dự án đầu tư mới của doanh nghiệp được hưởng ưu đãi thuế TNDN, gồm:

+ Được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc được chấp thuận chủ trương đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư hoặc cho phép đầu tư theo quy định của pháp luật chuyên ngành.

+ Đối với các dự án đầu tư không thuộc diện phải cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, chấp thuận chủ trương đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư hoặc cho phép đầu tư theo quy định của pháp luật chuyên ngành thì việc xác định dự án đầu tư mới căn cứ vào Báo cáo thực hiện dự án đầu tư của doanh nghiệp theo quy định của pháp luật về đầu tư gửi cơ quan đăng ký đầu tư.

- Người nộp thuế lưu ý: Dự án đầu tư mới không được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp theo diện đầu tư mới bao gồm:

+ Dự án đầu tư hình thành từ việc sáp nhập, hợp nhất, chia, tách, chuyển đổi loại hình doanh nghiệp theo quy định của pháp luật;

+ Dự án đầu tư hình thành từ việc chuyển đổi chủ sở hữu (bao gồm cả trường hợp thực hiện dự án đầu tư mới nhưng vẫn kế thừa tài sản, địa điểm kinh doanh, ngành nghề kinh doanh của doanh nghiệp cũ để tiếp tục hoạt động sản xuất, kinh doanh; mua lại dự án đầu tư đang hoạt động).

(Quy định chi tiết về ưu đãi đối với dự án đầu tư mới được quy định tại khoản 8 Điều 23 Nghị định số 320/2025/NĐ-CP ngày 15/12/2026 của Chính phủ.)

2. Ưu đãi về tiền thuê đất

2.1. Đối tượng được hưởng ưu đãi

Tổ chức, cá nhân được Nhà nước cho thuê đất để thực hiện dự án sản xuất sản phẩm thuộc Danh mục sản phẩm công nghệ hỗ trợ ưu tiên phát triển. Đây là ngành, nghề thuộc Danh mục ngành, nghề đặc biệt ưu đãi đầu tư, do đó được miễn, giảm tiền thuê đất theo pháp luật về đất đai.

2.2. Mức ưu đãi tiền thuê đất

a) Miễn tiền thuê đất trong thời gian xây dựng cơ bản (XDCB) theo dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt nhưng tối đa không quá 03 năm, kể từ ngày có quyết định cho thuê đất (Quy định tại khoản 2 Điều 39 Nghị định số 103/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất (đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 291/2025/NĐ-CP ngày 06/11/2025).

b) Miễn tiền thuê đất sau thời gian XDCB, tùy theo địa bàn thực hiện dự án:

Địa bàn thực hiện dự án sản xuất sản phẩm CNHT	**Thời gian miễn tiền thuê đất sau XDCB**
Địa bàn không thuộc địa bàn ưu đãi đầu tư	**11 năm**
Địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn	**15 năm**
Địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn	**Toàn bộ thời gian thuê đất**

2.3. Nguyên tắc áp dụng

- Miễn, giảm tiền thuê đất được thực hiện theo từng dự án đầu tư và thực hiện trực tiếp với người được Nhà nước cho thuê đất; trường hợp vừa thuộc đối tượng được miễn vừa được giảm thì được miễn; nếu được hưởng nhiều mức giảm khác nhau thì hưởng mức cao nhất.

- Trường hợp phải làm thủ tục mà chậm nộp hồ sơ thì chỉ được hưởng ưu đãi cho thời gian ưu đãi còn lại, tính từ thời điểm nộp đủ hồ sơ hợp lệ.

- Trong thời gian được miễn, nếu chuyển nhượng, thay đổi mục đích sử dụng đất hoặc không còn đáp ứng điều kiện ưu đãi thì phải hoàn trả số tiền thuê đất đã được miễn, giảm (kèm tiền chậm nộp theo quy định).

2.4. Thủ tục thực hiện

- Trường hợp được miễn tiền thuê đất toàn bộ thời gian thuê: Không phải thực hiện thủ tục đề nghị miễn tiền thuê đất.

- Trường hợp được miễn một số năm hoặc giảm: Người thuê đất nộp hồ sơ đề nghị miễn, giảm cùng hồ sơ xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai.

- Để chứng minh dự án thuộc đối tượng ưu đãi, doanh nghiệp cần chuẩn bị văn bản thể hiện mục tiêu dự án sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ (quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư) và Giấy xác nhận ưu đãi dự án sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ.

Trên đây là nội dung tuyên truyền, phổ biến biến chính sách ưu đãi về thuế đối với doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực công nghiệp hỗ trợ. Thuế cơ sở 13 tỉnh Lâm Đồng gửi Công văn này đến các doanh nghiệp, tổ chức trên địa bàn các xã Cư Jút, xã Đắk Wil, xã Nam Dong, xã Krông Nô, xã Nam Đà, xã Nâm Nung, xã Quảng Phú được biết và thực hiện. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc xin vui lòng liên hệ Thuế cơ sở 13 tỉnh Lâm Đồng; Địa chỉ: Số 34 đường Ngô Quyền, xã Cư Jút, tỉnh Lâm Đồng, hộp thư điện tử: cctcjukno.dno@gdt.gov.vn hoặc số điện thoại: (0261). 3882.012 để được hỗ trợ./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Thuế tỉnh Lâm Đồng (B/C);
- UBND các xã Cư Jút, xã Đắk Wil, xã Nam Dong, xã Krông Nô, xã Nam Đà, xã Nâm Nung, xã Quảng Phú (P/H tuyên truyền);
- Lãnh đạo Thuế cơ sở 13 tỉnh Lâm Đồng;
- Các Tổ thuộc Thuế cơ sở 13 tỉnh Lâm Đồng (triển khai đến NNT);
- Tổ NVDTPC đăng trên trang thuế điện tử và gửi thư điện tử đến NNT (T/H);
- Lưu: VT; NVDTPC.

KT.TRƯỞNG THUẾ CƠ SỞ
PHÓ TRƯỞNG THUẾ CƠ SỞ

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
THUẾ CƠ SỞ 13
TỈNH LÂM ĐỒNG
THUẾ TỈNH LÂM ĐỒNG

Trà Minh Được